

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày: 22/8/2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín
dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Hoàng Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng
Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà
Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã
Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số
18/2022/TLST-KDTM, ngày 19 tháng 12 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 101/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B).

Địa chỉ: T T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến P - Chức vụ: Giám đốc Ngân
hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P1.

Người được uỷ quyền lại: Ông Đậu Phi H - Chức vụ: Phó giám đốc phòng G -
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P1, có mặt.

Địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1975, vắng mặt.

Bà Trương Thị D, sinh năm 1976, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,
công khai chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông
Đậu Phi H trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 đồng ý cho bà Trương
Thị D và ông Bùi Văn N vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số
01/2019/11140362/HĐTD ký ngày 08/5/2019 với các nội dung sau: Số tiền vay
1.400.000.000đ. Mục đích vay thanh toán tiền mua hàng hải sản. Thời hạn vay 11

tháng kể từ ngày 08/5/2019. Lãi suất trong hạn 9.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Bà D, ông N đã quá hạn từ ngày 08/4/2020. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 đề nghị buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 21/8/2023 tổng cộng là 1.981.188.684đ, trong đó nợ gốc là 1.315.050.000đ, nợ lãi trong hạn 447.820.081đ, lãi quá hạn 218.318.603đ. Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D tiếp tục trả lãi, dư nợ gốc kể từ ngày 22/8/2023 đến khi ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Nếu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không hết số tiền trên cho ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 được ký kết giữa ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 – Phòng G để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì đề nghị buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đề nghị ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D đều thống nhất trình bày:

Ngày 08/5/2019 vợ chồng ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D có vay nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 – Phòng G số tiền gốc là 1.400.000.000đ. Bà Trương Thị D là người ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD. Ông Bùi Văn N có uỷ quyền cho bà Trương Thị D ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD. Chữ ký trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD là của bà Trương Thị D. Mục đích vay nợ là để mua máy và đóng tàu. Thời hạn vay là 11 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D có ký Hợp đồng thế chấp tài sản bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018. Vợ chồng ông bà thế chấp thửa đất số 67 tờ bản đồ 128-80 địa chỉ tại Xóm T nay là thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An với diện tích 316m² mang tên ông Bùi Văn N. Nay vợ chồng ông bà thống nhất còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 tính đến ngày 17/10/2022 là 1.855.997.055đ, trong đó nợ gốc là 1.350.050.000đ và nợ lãi suất là 505.947.055đ nhưng hiện nay vợ chồng ông bà không có tiền để trả nợ. Ngân hàng yêu cầu thế nào là do ngân hàng. Nay vợ chồng ông bà mong muốn ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng có chỗ ở. Nếu ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản nhà đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ thì ông bà phải chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP Đ đến ngày xét xử (21/8/2023) tổng số tiền là 1.981.188.684 đồng, trong đó số tiền gốc: 1.315.050.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 447.824.081 đồng, lãi quá hạn: 218.318.603 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD ngày 8/5/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông N và bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018.

Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh P1, phòng G, tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải liên đới chịu án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tại ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Vì cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD ký ngày 08/5/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ theo Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, các bên đều có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy hợp đồng tín dụng hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng này. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và đã thực hiện việc giải ngân theo đúng cam kết cho bị đơn. Ông N và bà D đã trả nợ đến ngày 08/04/2020 thì trả tiền lãi và gốc cho ngân hàng không đúng kỳ hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản

vay của ông N và bà D sang quá hạn. Ngân hàng đã căn cứ Hợp đồng tín dụng để khởi kiện yêu cầu ông N và bà D trả toàn bộ khoản vay trước thời hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, bàn bạc với gia đình ông N, bà D yêu cầu trả nợ nhưng ông N và bà D vẫn không trả nợ như đã cam kết. Ông N, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng đã ký kết vì vậy ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu ông N và bà D trả toàn bộ số tiền nợ còn lại trước thời hạn.

Về yêu cầu tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi: Xét thấy các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi tại hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải có nghĩa vụ trả tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 đề nghị buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 21/8/2023 tổng cộng là 1.981.188.684đ, trong đó nợ gốc là 1.315.050.000đ, nợ lãi trong hạn 447.820.081đ, lãi quá hạn 218.318.603đ là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D tiếp tục trả lãi, dư nợ gốc kể từ ngày 22/8/2023 đến khi ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Nếu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không hết số tiền trên cho ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 được ký kết giữa ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P1 – Phòng G để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì đề nghị buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Hợp đồng thế chấp bất động sản được công chứng, chứng thực bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 là hợp pháp. Nếu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không hết số tiền trên cho ngân hàng thì ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng theo diện tích đo thực tế là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Hiện trạng các thửa đất có thay đổi so với khi thế chấp. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh tại UBND xã Q thì hiện trạng các thửa đất khi thế chấp có thay đổi so với bản đồ đo vẽ năm 2020 là do sai sót đo vẽ, đất không có tranh chấp, đất phù hợp với quy hoạch. Hiện trạng thửa đất như sau: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 128-80 có diện tích 316m² nay là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 29 diện tích là 397,9m² tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đề nghị ông Bùi Văn N và Trương Thị D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy cần buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với yêu cầu của ngân hàng về khoản tiền nợ gốc và tiền lãi suất; kỷ phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền án phí phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 241, 275, 280, 299, 317, 319, 351, 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đến ngày 21/8/2023, nợ gốc là 1.315.050.000đ, nợ lãi trong hạn 447.820.081đ, lãi quá hạn 218.318.603đ, tổng cộng là 1.981.188.684đ (Một tỷ chín trăm tám mươi một triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11140362/HĐTD ngày 08/5/2019.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11140362/HĐBĐ ngày 06/6/2018 cho đến khi ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D thực hiện xong việc trả nợ.

Nếu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D không trả được tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 128-80 có diện tích 316m² nay là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 29 diện tích là 397,9m² tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì đề nghị buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay.

Nếu ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D thực hiện việc trả nợ đúng, đủ theo bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thực hiện thủ tục đăng ký xóa thế chấp tài sản, giải chấp tài sản và trả lại các giấy tờ (bản gốc) cho ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về án phí: Ông Bùi Văn N và bà Trương Thị D phải chịu 71.435.500đ (Bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng), kỷ phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 33.839.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003651, ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn